

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
QUÝ IV VÀ LŨY KẾ NĂM 2025

I. Đánh giá chung

Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ; Nghị định 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp.

Sở Xây dựng được giao cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; Nghị định 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 tại Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023.

a) Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập: **10 đơn vị**.

b) Tổng số đơn vị đã giao tự chủ tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021: **10 đơn vị**.

II. Đánh giá cụ thể

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc:

a. Kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao, chấp hành tốt chế độ, chính sách và quy định về cơ chế tài chính.

- Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước; hoạt động dịch vụ khác.

- Về thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ sử dụng NSNN, đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng sản phẩm đã hoàn thành được nghiệm thu hoặc được duyệt, chấp nhận.

- Về thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Về thực hiện nhiệm vụ thu, chi phí, lệ phí theo pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên

- Thực hiện các nhiệm vụ khác.

b. Tổ chức bộ máy

- Cảng vụ Đường thủy nội địa: 43 người (có mặt trong đó số viên chức **30** người, hợp đồng theo Nghị định 111/NĐ-CP: 01 người; 12 công chức được giao có mặt 10 biên chế)

- Xí nghiệp bến xe tàu: 125 người (có mặt trong đó số viên chức 29 người; số hợp đồng 01 năm trở lên: 96 người)
- Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới: 24 người (có mặt 16 trong đó số viên chức 8 người; số hợp đồng 01 năm trở lên: 08 người)
- Trung tâm Quy hoạch Xây dựng: 32 người (có mặt 28 người trong đó số viên chức 19 người; số hợp đồng 01 năm trở lên: 09 người)
- Trung tâm dịch vụ kiểm định Xây dựng: 36 người (có mặt 28 người trong đó số viên chức 16 người; số hợp đồng 01 năm trở lên: 12 người)
- Bến xe Châu đốc An Giang: 30 người (có mặt 30 trong đó số viên chức 28 người; số hợp đồng 01 năm trở lên: 02 người)
- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp GTVT : 275 người (có mặt 273 trong đó số viên chức 59 người; số hợp đồng 01 năm trở lên: 214 người)
- Ban quản lý bảo trì đường bộ: 25 người (có mặt 25 trong đó số viên chức 10 người; số hợp đồng 01 năm trở lên: 15 người)
- Trung tâm đăng kiểm phương tiện thủy bộ An Giang: 37 người (có mặt 37 trong đó số viên chức 18 người; số hợp đồng 01 năm trở lên: 19 người)
- Trung tâm tư vấn và kiểm định xây dựng An Giang: 47 người (có mặt 42 người trong đó số viên chức 36 người; số hợp đồng 01 năm trở lên: 06 người).

2. Kết quả thực hiện giao quyền tự chủ tài chính

- Tổng số đơn vị thực hiện tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ: **10 đơn vị**

- Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên: **09 đơn vị**. Bao gồm: Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới, Xí nghiệp Bến xe tàu Kiên Giang, Trung tâm Quy hoạch xây dựng; Trung tâm dịch vụ kiểm định xây dựng, Bến xe Châu đốc An Giang, Trung tâm đăng kiểm phương tiện thủy bộ An Giang, Ban bảo trì đường bộ, Trung tâm tư vấn và kiểm định xây dựng, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp giao thông vận tải.

- Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: **01 đơn vị**. Bao gồm: Cảng vụ đường thủy nội địa.

- Kinh phí:

+ Kinh phí tự chủ: Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới, Xí nghiệp Bến xe tàu Kiên Giang, Trung tâm Quy hoạch xây dựng; Trung tâm dịch vụ kiểm định xây dựng, Bến xe Châu đốc, Trung tâm đăng kiểm phương tiện thủy bộ An Giang, Ban bảo trì đường bộ, Trung tâm tư vấn và kiểm định xây dựng, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp giao thông vận tải.

+ Kinh phí NSNN cấp thực hiện tự chủ: Cảng vụ đường thủy nội địa và Xí nghiệp Bến xe tàu (phần Trợ giá tàu Thỏ Châu).

3. Tình hình phân thực hiện quyền tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp.

- Về mức thu sự nghiệp: Các khoản thu phí, lệ phí theo Thông tư 120/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính, Thông tư 70/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2021, Thông tư 248/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016.

- **Nguồn thu Quý IV và lũy kế năm 2025:**

+ Xí nghiệp bến xe tàu Kiên Giang: Dự toán thu 34.301 triệu đồng; số thực hiện Quý IV/2025 là 10.030 triệu đồng. lũy kế năm 2025 là: 33.751 triệu đồng

+ Cảng vụ đường thủy nội địa: Dự toán thu 5.458 triệu đồng; số thực hiện Quý IV/2025 là 1.767,5 triệu đồng lũy kế năm 2025 là 6.999 triệu

+ Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới: Dự toán thu 1.930 triệu đồng; số thực hiện Quý IV/2025 là 2.138 triệu đồng. lũy kế năm 2025 là: 7.927 triệu đồng

+ Trung tâm Quy hoạch xây dựng: Dự toán thu 7.500 triệu đồng; số thực hiện thu Quý IV/2025: 1.942 triệu đồng và lũy kế năm 2025 là : 5.142 triệu đồng

+ Trung tâm dịch vụ kiểm định xây dựng: Dự toán thu 7.500 triệu đồng; số thực hiện thu Quý IV/2025: 2.407 triệu đồng và lũy kế năm 2025 là: 5.257 triệu đồng.

+ Bến xe Châu đốc An Giang: Dự toán thu 9.500 triệu đồng; số thực hiện thu Quý IV/2025: 2.572 triệu đồng và lũy kế năm 2025 là: 11.300 triệu đồng.

+ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp GTVT: Dự toán thu 80.000 triệu đồng; số thực hiện thu Quý IV/2025: 24.072 triệu đồng và lũy kế năm 2025 là: 106.652 triệu đồng.

+ Ban quản lý bảo trì đường bộ: Dự toán thu 6.021 triệu đồng; số thực hiện thu Quý IV/2025: 0 triệu đồng và lũy kế năm 2025 là: 5.979 triệu đồng.

+ Trung tâm đăng kiểm phương tiện thủy bộ An Giang: Dự toán thu 2.660 triệu đồng; số thực hiện thu Quý IV/2025: 2.277 triệu đồng và lũy kế năm 2025 là: 9.195 triệu đồng

+ Trung tâm tư vấn và kiểm định xây dựng An Giang: Dự toán thu 11.000 triệu đồng; số thực hiện thu Quý IV/2025: 2.069 triệu đồng và lũy kế năm 2025 là: 10.000 triệu đồng

- Chi thường xuyên Quý IV và lũy kế năm 2025:

+ Xí nghiệp bến xe tàu: Dự toán chi 29.004 triệu đồng; số thực hiện Quý IV/2025 là 9.130 triệu đồng/quý. Lũy kế năm 2025 là: 26.911 triệu đồng

+ Cảng vụ đường thủy nội địa: Dự toán chi 5.458 triệu đồng; số thực hiện Quý IV/2025 là 1.364,5 triệu đồng/quý. Lũy kế năm 2025 là : 5.263,7 triệu đồng

+ Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới: Dự toán chi 1.340 triệu đồng; số thực hiện Quý IV/2025 là 1.187 triệu đồng/quý. Lũy kế năm 2025 là: 5.062 triệu đồng

+ Trung tâm Quy hoạch xây dựng: Dự toán chi 5.266 triệu đồng; số thực hiện Quý IV/2025: 697 triệu đồng và lũy kế năm 2025 là : 5.266 triệu đồng

+ Trung tâm kiểm định và dịch vụ xây dựng: Dự toán chi 7.214 triệu đồng; số thực hiện Quý IV/2025: 2.287 triệu đồng và lũy kế năm 2025 là: 5.917 triệu đồng

+ Bến xe Châu đốc An Giang: Dự toán chi 9.149 triệu đồng; số thực hiện Quý IV/2025: 2.336 triệu đồng và lũy kế năm 2025 là: 8.613 triệu đồng.

+ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp GTVT: Dự toán chi 64.213 triệu đồng; số thực hiện Quý IV/2025: 21.230 triệu đồng và lũy kế năm 2025 là: 89.264 triệu đồng.

+ Ban quản lý bảo trì đường bộ: Dự toán chi 6.000 triệu đồng; số thực hiện Quý IV/2025: 0 triệu đồng và lũy kế năm 2025 là: 5.370 triệu đồng.

+ Trung tâm đăng kiểm phương tiện thủy bộ An Giang: Dự toán chi 1.540 triệu đồng; số thực hiện Quý IV/2025: 1.345 triệu đồng và lũy kế năm 2025 là: 6.131 triệu đồng

+ Trung tâm tư vấn và kiểm định xây dựng An Giang: Dự toán chi 10.863 triệu đồng; số thực hiện Quý IV/2025: 2.396 triệu đồng và lũy kế năm 2025 là: 9.896 triệu đồng

4. Tình hình thực hành tiết kiệm chi và tăng thu:

- Tiết kiệm kinh phí hoạt động thường xuyên:

+ Số đơn vị tiết kiệm 07 đơn vị/10 đơn vị so với tổng số đơn vị giao tự chủ

+ Số kinh phí tiết kiệm được Quý IV/2025 : 4.284 triệu đồng. Lũy kế : 11.708 triệu đồng

+ Đơn vị có số kinh phí tiết kiệm cao nhất: thực hiện Quý IV/2025: 1.656 triệu đồng. Lũy kế năm 2025: 6.249 triệu đồng (Trung tâm giáo dục nghề nghiệp GTVT)

+ Đơn vị có số kinh phí tiết kiệm trung bình: 3.125,2 triệu đồng thực hiện Quý IV/2025: 426 triệu đồng. Lũy kế: 3.231 triệu đồng (Xí nghiệp bến xe tàu)

+ Đơn vị có số kinh phí tiết kiệm trung bình: thực hiện Quý IV/2025: 168,48 triệu đồng và Lũy kế : 496,624 triệu đồng (Cảng vụ đường thủy nội địa)

+ Đơn vị có số kinh phí tiết kiệm trung bình: thực hiện Quý IV/2025: 0 triệu đồng và Lũy kế năm: 347 triệu đồng (Ban Quản lý bảo trì đường bộ)

+ Đơn vị có số kinh phí tiết kiệm trung bình: thực hiện Quý IV/2025: 225 triệu đồng Lũy kế: 225 triệu đồng (Trung tâm kiểm định xe cơ giới)

+ Đơn vị có số kinh phí tiết kiệm trung bình: 207,1 triệu đồng (Bến xe châu đốc)

+ Đơn vị có số kinh phí tiết kiệm trung bình: thực hiện Quý IV/2025: 216 triệu đồng và Lũy kế: 216 triệu đồng (Trung Tâm Đăng kiểm phương tiện thủy bộ An Giang)

+ Còn lại 03 đơn vị không chi thu nhập tăng thêm: Trung tâm kiểm định và dịch vụ xây dựng; Trung Tâm tư vấn và kiểm định xây dựng; Trung tâm Quy hoạch Xây dựng).

- Phân phối tiết kiệm kinh phí hoạt động trong Quý IV/2025:

+ Cảng vụ đường thủy nội địa: 476, triệu đồng trong Quý IV/2025 (trong đó: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 57,12 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 168,45 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 60 triệu đồng, cải cách tiền lương: 190,4 triệu đồng). Lũy kế năm 2025: 1.735,3 triệu đồng (trong đó: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 208,236 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 496,624 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 336,32 triệu đồng, cải cách tiền lương: 694,12 triệu đồng).

+ Xí nghiệp bến xe tàu: 900 triệu đồng trong Quý IV/2025 (trong đó Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 180 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 14 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi:100 triệu đồng; lương tăng thêm: 426 triệu đồng). Lũy kế năm 2025: 6.840 triệu đồng (trong đó Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 1.368 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 109 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 764 triệu đồng; lương tăng thêm: 3.231 triệu đồng).

+ Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới: 951 triệu đồng trong Quý IV/2025 (trong đó Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 190 triệu đồng, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi: 190 triệu đồng, quỹ bổ sung thu nhập: 380 ; lương tăng thêm: 225 triệu đồng). Lũy kế năm 2025: 2.86 triệu đồng (trong đó Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 380 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 1.146 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 573 triệu đồng; lương tăng thêm: 225 triệu đồng)

+ Trung tâm Quy hoạch Xây dựng: Trong Quý IV/2025: 0 triệu đồng Lũy kế năm 2025: (-124) triệu đồng (trong đó Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 0 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 0 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 0 triệu đồng; thu nhập tăng thêm: 0 triệu đồng).

+ Bến xe châu đốc: 236 triệu đồng Quý IV/2025 (trong đó; Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 47 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 66 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 57 triệu đồng; lương tăng thêm: 19 triệu đồng). Lũy kế năm 2025: 2.687 triệu đồng (trong đó Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 671 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 944 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 804 triệu đồng; trích quỹ khác (cải cách tiền lương): 268 triệu, thu nhập tăng thêm: 944 triệu đồng).

+ Trung Tâm giáo dục nghề nghiệp giao thông vận tải: 2.842 triệu đồng Quý IV/2025 (trong đó Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 711 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 1.421 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 682 triệu đồng; trích quỹ khác: 28 triệu đồng, Thu nhập tăng thêm: 1.656 triệu đồng). Lũy kế năm 2025: 17.388 triệu đồng (trong đó Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 4.347 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 8.694 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 4.173 triệu đồng; trích quỹ khác (cải cách tiền lương): 174 triệu; thu nhập tăng thêm: 6.249 triệu đồng).

+ Trung tâm đăng kiểm phương tiện thủy bộ: 654 triệu đồng trong Quý IV/2025 (trong đó Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 392 triệu đồng, quỹ bổ sung thu nhập: 107 triệu đồng, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi: 155 triệu đồng; Thu nhập tăng thêm 216 triệu đồng). Lũy kế năm 2025: 2.031 triệu đồng (trong đó Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 1.219 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 1.115 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 534 triệu đồng). Thu nhập tăng thêm 214 triệu đồng

+ Ban Quản lý bảo trì đường bộ: trong Quý IV/2025 không phân phối kết quả tài chính. Lũy kế năm 2025: 609 triệu đồng (trong đó Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 165 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 300 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 144 triệu đồng). Thu nhập tăng thêm 347 triệu đồng

+ Trung tâm tư vấn và kiểm định dịch vụ xây dựng trong Quý IV/2025 không phân phối kết quả tài chính. Lũy kế năm 2025: 104 triệu đồng (trong đó Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 26 triệu đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 0 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi: 78 triệu đồng). Thu nhập tăng thêm 0 triệu đồng

+ Trung tâm kiểm định và dịch vụ xây dựng : Phân phối kết quả tài chính (-660) triệu đồng, chưa trích lập các quỹ ; Trung tâm Quy hoạch Xây dựng: phân phối kết quả tài chính năm 2025: (-124) triệu đồng, chưa trích lập các quỹ

5. Tình hình thu nhập tăng thêm người lao động:

- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm dưới 1 lần:
- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 1 đến 2 lần: 07 đơn vị
- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 2 đến 3 lần:

- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 3 lần trở lên :

+ Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là: 3,4 triệu đồng/tháng Lũy kế năm 2025 là: 40,8 triệu đồng/12 tháng (Trung tâm giáo dục nghề nghiệp giao thông vận tải).

+ Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là: 1 triệu đồng/tháng Lũy kế năm 2025 là: 12 triệu đồng/12 tháng (Ban Quản lý bảo trì đường bộ).

+ 02 Đơn vị không chi thu nhập tăng thêm (Trung tâm tư vấn và kiểm định dịch vụ xây dựng, Trung tâm Quy hoạch Xây dựng.)

6. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị: Không./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Lê Việt Bắc

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
QUÝ IV VÀ LŨY NĂM 2025**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện Quý 4/2025	Thực hiện lũy kế năm
I	Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người	662	635	635
1	Số cán bộ, viên chức	Người	275	254	254
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người	387	381	381
II	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp	Triệu đồng	40.653	15.026	52.351
III	Nguồn tài chính	Triệu đồng	165.870	49.275	202.202
A	Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên		165.870	49.275	202.202
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:		149.226	43.347	180.153
1.1	<i>Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công dịch vụ khác</i>		<i>138.425</i>	<i>39.417</i>	<i>168.994</i>
1.2	<i>Nguồn thu NSNN đặt hàng giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí</i>		<i>10.801</i>	<i>3.930</i>	<i>11.159</i>
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)		0	0	0
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)		10.165	3.975	13.367
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên)		0	0	0
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)		4.528	1.720	6.731

6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)		930	233	930
7	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)		1.021	0	1.021
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)		0	0	0
IV	Chi thường xuyên	Triệu đồng	129.111	42.178	168.727
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương		35.174	15.801	63.784
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học		0	0	0
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp		45.879	11.904	53.793
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí		222	142	350
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên		11.409	3.622	13.455
6	Trích khấu hao tài sản cố định		15.810	5.204	17.929
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)		0	0	0
8	Chi trả lãi tiền vay		4.178	153	670
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)		15.509	5.352	17.929
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên		930	0	3.752
V	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)	Triệu đồng	36.759	7.097	33.475
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>				
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		6.738	1.577	8.384
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập		6.082	2.156	12.801
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi		7.215	1.244	7.408
4	Trích Quỹ khác Cải cách tiền lương (nếu có)		317	237	1.138

	<i>(Đối với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)</i>		0	0	0
5	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	triệu đồng	11.592	4.284	11.708
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần	1	2	2
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng	17	31	40,8
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng	5	11	12
B	<i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ</i>	Triệu đồng	926	32	926
	(Chi tiết từng nguồn kinh phí)				
1	Nguồn thu		463	16	463
<i>a</i>	<i>Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ</i>		463	16	463
<i>b</i>	<i>Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên</i>				
<i>c</i>	<i>Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật</i>				
<i>d</i>	<i>Nguồn khác</i>				
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ		463	16	463
<i>a</i>	<i>Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ</i>		463	16	463
<i>b</i>	<i>Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên</i>				
<i>c</i>	<i>Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật</i>				
<i>d</i>	<i>Nguồn khác</i>				
IV	Về vay vốn, huy động vốn	Triệu đồng	0	794	4.162
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng		0	794	4.162
	Số vốn vay		0	794	4.162
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				